LEDSFOCUS LLM0545A

Chịu nhiệt

Chịu rung chấn 1G

Chịu nhiễu

Chịu tia UV

Chống nước IP66

Thông số kỹ thuật

Thân đèn: Nhôm đúc nguyên khối
Lens ngoài: Giá đỡ Polycarbonate (bán rời): Thép không gỉ
Nhiệt độ môi trường sử dụng: -30 đến 50°C
Hiệu suất chống bụi và nước: IP65
Tuổi thọ bóng đèn:
UE/UG = 40,000 giờ(Hệ số duy trì quang thông 70%)
UZ = 42,000 giờ (Hệ số duy trì quang thông 70%)
Nguồn điện: đặt riêng (bán rời)
Khối lượng: 2.3kg
Các tùy chọn (bán rời): nguồn điện, giá đỡ, dây nối 10m

	Quang thông	Công suất tiêu thụ định mức
2.5°	410–1,720 lm	14.8–19.3 W
3°	480–1,330 lm	4.5–19.2 W
5°	1,260 đến 1,400 lm	18.3 W

Bản vẽ kích thước

Đơn vị : mm

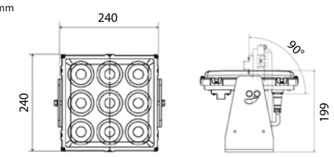

Mặt trước

Mặt bên

Giá đỡ hỗ trợ điều chỉnh góc (bán rời)

Đa dạng các màu sắc khác nhau

6500K 5700K 4000K 3000K 2200K

Red Green Blue Amber

3 phiên bản góc hẹp

Góc hẹp
(3 loại)

2.5° 3.0° 5.0°

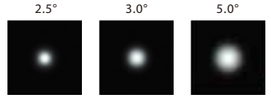

Một mô hình cho thấy những tiềm năng mới trong sản xuất ánh sáng

Nhờ công nghệ phân bổ ánh sáng góc cực hẹp giúp thu hẹp tia sáng một cách hiệu quả mà sản phẩm có thể chiếu sáng chính xác điểm và qua đó có thể ứng dụng trong nhiều trường hợp khác nhau. Với sản phẩm này, quý khách có thể chiếu sáng cả những nơi ánh sáng chưa từng chạm tới.
Sản phẩm có nhiều màu sắc phong phú để đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng khác nhau của quý khách.
Ngoài ra, quý khách có thể dùng sản phẩm tại bất cứ đâu nhờ hiệu suất chống bụi và nước vượt trội.

Phân bổ ánh sáng góc cực hẹp / Phân bổ ánh sáng góc hẹp 2.5° với 1/2 góc chùm sáng.

Tiêu thụ điện năng thấp / Có thể tiết kiệm năng lượng với công suất 25W (khi sử dụng nguồn điện tùy chọn).

Nhỏ gọn và nhẹ / Sản phẩm có thể được lắp đặt ở bất cứ đâu nhờ có độ dày 47mm (phần nguồn sáng) và khối lượng 2.3kg (không bao gồm giá đỡ).

Cấu tạo chống bụi và nước / Thích hợp sử dụng ngoài trời nhờ mức bảo vệ IP65.

Đa dạng màu sắc / Ngoài màu trắng với các nhiệt độ màu khác nhau, chúng tôi đã chuẩn bị màu đỏ, xanh lá, xanh lam và hổ phách.

Phạm vi chiếu sáng

Góc phân bổ ánh sáng 2.0° [LLM0545A_UZ:6500K]

D (m)	Φ (m)□	Độ rọi trung tâm (lx)
30	5.3	972
50	8.3	358
100	10	91
500	□	3.6
1000	□	0.9

Phạm vi chiếu sáng

Góc phân bổ ánh sáng 3.0° [LLM0545A_UE:5700K]

D (m)	Φ (m)□	Độ rọi trung tâm (lx)
30	6	481
50	7.1	174
100	11.2	43
500	□	1.7
1000	□	0.4

Phạm vi chiếu sáng

Góc phân bổ ánh sáng 5.0° [LLM0545A_UG:5700K]

D (m)	Φ (m)□	Độ rọi trung tâm (lx)
30	5.3	340
50	7.7	123
100	12.4	31
500	□	1.2
1000	□	0.3

Từ 1 lx trở lên

Thông số kỹ thuật		6500K	5700K	4000K	3000K	2200K	Red	Green	Blue	Amber
LLM0545A_UZ / □□□□□										
1/2 góc chùm sáng 2.5°	**Tên sản phẩm**	FLOODLIGHT 265	□	FLOODLIGHT 24	FLOODLIGHT 23	□	FLOODLIGHT 26	FLOODLIGHT 27	FLOODLIGHT 28	□
	Cường độ sáng trung tâm (cd)	918,000	□	768,000	736,000	□	180,000	518,000	235,000	□
	Quang thông (lm)	1,720	□	1,440	1,380	□	680	950	410	□
	Công suất tiêu thụ định mức (W)□	17.9 W	□	17.9 W	17.9 W	□	14.8 W	18.7 W	19.3 W	□
	Công suất tiêu thụ tối đa (W)□	19.2 W	□	19.2 W	19.2 W	□	18.6 W	21.3 W	21.2 W	□
LLM0545A_UE / □□□□□										
1/2 góc chùm sáng 3°	**Tên sản phẩm**	□	□	FLOODLIGHT 34	FLOODLIGHT 33	FLOODLIGHT 32	FLOODLIGHT 36	FLOODLIGHT 37□	FLOODLIGHT 38	FLOODLIGHT 39
	Cường độ sáng trung tâm (cd)	□	436,000	396,000	347,000	235,000	262,000	146,000	194,000	250,000
	Quang thông (lm)	□	1,330	1,200	1,060	710	780	500	480	850
	Công suất tiêu thụ định mức (W)□	□	19.2 W	19.2 W	19.2 W	19.2 W	14.7 W	4.5 W	19.2 W	14.7 W
	Công suất tiêu thụ tối đa (W)□	□	21.0 W	21.0 W	21.0 W	21.0 W	16.7 W	4.5 W	21.0 W	16.7 W
LLM0545A_UG / □□□□□										
1/2 góc chùm sáng 5°	**Tên sản phẩm**	□	□	FLOODLIGHT 54	FLOODLIGHT 53	□	□	□	□	□
	Cường độ sáng trung tâm (cd)	□	308,000	300,000	300,000	□	□	□	□	□
	Quang thông (lm)	□	1,400	1,260	1,260	□	□	□	□	□
	Công suất tiêu thụ định mức (W)□	□	18.3 W	18.3 W	18.3 W	□	□	□	□	□
	Công suất tiêu thụ tối đa (W)□	□	21.0 W	21.0 W	21.0 W	□	□	□	□	□

□ Giá trị điện áp đầu vào khác với các phiên bản màu khác.

Không kèm nguồn điện

Thủy cung Kamo, thành phố Tsuruoka
(Địa điểm: Thành phố Tsuruoka, tỉnh Yamagata.
Thiết kế: Công ty cổ phần Nihon Sekkei)
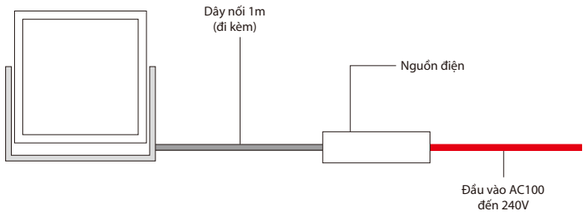
Sơ đồ nối nguồn điện